

Số: 14 /TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty như sau:

Trên cơ sở sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Điều lệ sửa đổi và quy định pháp luật hiện hành. Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC
HÀ NỘI

Phạm Văn Thắng

Phạm Văn Thắng



**Phụ lục: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

(Đính kèm Tờ trình số 14/TTr-ĐHĐCĐ, ngày 20 tháng 04 năm 2021)

Ghi chú:

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty hay gọi tắt là Quy chế quản trị nội bộ;
- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi;
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi” là nội dung **in đậm và bôi màu**.
- Các nội dung chỉ thay đổi **Số thứ tự** do chỉnh sửa, bổ sung, thêm bớt một số điều sẽ không được nêu chi tiết trong Phụ lục này
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán .
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
CĂN CỨ	CĂN CỨ	
<ul style="list-style-type: none"> - <u>Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u> - <u>Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u> - <u>Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> - <u>Thông tư số 95/2017/TT-BTC/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;</u> - Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội. 	<ul style="list-style-type: none"> - <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</u> - <u>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.;</u> - <u>Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán .</u> - <u>Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u> - Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội. 	<p>Cập nhật các dẫn chiếu Luật theo quy định Luật hiện hành</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	
1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Sửa đổi dẫn chiếu Luật
e. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện theo <u>khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.</u>	e. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện theo khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.	
CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	
CHƯƠNG III: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG III: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 5. Quyền của cổ đông	Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	
1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là: <...>	1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 12, Điều 13 Điều lệ công ty , đặc biệt là: <Các nội dung khác của điều này giữ nguyên, không sửa đổi>	Cập nhật dẫn chiếu tại Điều lệ công ty
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	
1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu	1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu	Bổ sung thêm các nội dung được đề cập tại

<p style="text-align: center;">Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành</p>	<p style="text-align: center;">Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi</p>	<p style="text-align: center;">Lý do sửa</p>
<p>quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:</p>	<p>quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:</p>	<p>Phụ lục 01 đính kèm và theo Quy chế mẫu tại Phụ lục 2 – Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<ul style="list-style-type: none"> a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham họp Đại hội đồng cổ đông; b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông; c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; d. Cách thức bỏ phiếu; e. Cách thức kiểm phiếu; f. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông; g. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; h. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; i. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản; j. Các vấn đề khác. 	<ul style="list-style-type: none"> a. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham họp Đại hội đồng cổ đông; c. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông; d. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông e. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông f. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; g. Điều kiện tiến hành h. Cách thức bỏ phiếu; i. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu; j. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông; k. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; l. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; m. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến 	

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
	bằng văn bản; n. Các vấn đề khác.	
<p>6. Công ty quy định trong Điều lệ công ty các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>6. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 22 Điều lệ Công ty</p>	<p>Dẫn chiếu theo nội dung đã quy định tại Điều lệ</p>
<p>Điều 8. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập</p>	<p>Điều 8. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập</p>	
<p><u>Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.</u></p>	<p>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>Cập nhật theo nội dung sửa đổi tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ công ty</p>
<p>Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	

<p style="text-align: center;">Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành</p>	<p style="text-align: center;">Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi</p>	<p style="text-align: center;">Lý do sửa</p>
<p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p>	<p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p>	
<p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp</u> và Điều lệ công ty ;</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (<u>nếu có</u>);</p> <p>d. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (<u>nếu có</u>);</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;</p> <p>f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;</p> <p>g. Các kế hoạch trong tương lai.</p>	<p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty ;</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (<u>nếu có</u>);</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;</p> <p>f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;</p> <p>g. Các kế hoạch trong tương lai.</p> <p>h. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật tại điểm a do Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2014 đã chuyển thành Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Bổ sung điểm h, điểm i theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 175 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>i. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.</p>	
<p>Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	
<p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp</u> và Điều lệ công ty; b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát; c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty; d. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác; e. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. 	<p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát; c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty; d. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác; e. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. f. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những 	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật tại điểm a do Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2014 đã chuyển thành Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Bổ sung thêm điểm f theo Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p>	
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 11. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 11. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
<p>2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị <u>độc lập không điều hành</u>. <u>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></p>	<p>2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Điều lệ công ty không quy định chi tiết số lượng thành viên HĐQT nên số thành viên HĐQT độc lập có thể thay đổi theo số lượng thành viên HĐQT.</p>
Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị	Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị	
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp</u> ;	a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp ;	
Điều 13. Thẩm quyền của Hội đồng Quản trị	Điều 13. Thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt các hợp đồng, giao dịch	
1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.	Bỏ nội dung này	Nội dung này không còn liên quan đến nội dung của Điều 13 sau khi sửa đổi
2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.	1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 30% giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định.	Bổ sung thêm thẩm quyền của Tổng Giám đốc được Hội đồng Quản trị ủy quyền
3. Hội đồng quản trị quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo	2. Hội đồng quản trị quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo	– Cập nhật dẫn chiếu Luật do Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014 đã chuyển thành Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<p>cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng ký kết với những người được quy định tại <u>Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.</u></p>	<p>cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng ký kết với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Hội đồng quản trị chấp thuận và thông qua.</p> <p>Các quyết định vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định.</p>	<p>– Bổ sung theo quy định tại Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>– Bổ sung thêm thẩm quyền của Tổng Giám đốc được Hội đồng Quản trị ủy quyền</p>
<p>4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.</u> Đối với những những hợp đồng có</p>	<p>3. Trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp:</p> <p>– Đối với những những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35%</p>	<p>– Sửa theo Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>– Bổ sung thêm thẩm quyền của Tổng Giám đốc được Hội đồng Quản trị ủy quyền</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<p>giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty ký kết với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. - Các hợp đồng, giao dịch khác Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc phê duyệt. 	
Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật do Luật doanh nghiệp 2014 đã không còn hiệu lực</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
Luật doanh nghiệp 2014, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình	Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình	
Điều 22. Thành phần Ban Kiểm soát	Điều 22. Thành phần Ban Kiểm soát	
<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát <u>ít nhất là ba (03) người</u> và nhiều nhất là năm (05) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát <u>là người có chuyên môn về kế toán.</u></p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người.</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc các chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	Bổ sung theo điều 168 Luật doanh nghiệp
Điều 25. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	Điều 25. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	
<p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, <u>số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 02 (hai) người.</u> Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	Sửa theo Khoản 3 Điều 36 Điều lệ công ty
CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH	CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH	
Điều 27. Thành phần và thẩm quyền của	Điều 27. Thành phần và thẩm quyền của	

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
Ban điều hành	Ban điều hành	
3. Tổng Giám đốc có quyền quyết định thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.	3. Tổng Giám đốc có quyền quyết định thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Quy chế này.	Dẫn chiếu đến nội dung đã quy định trong Quy chế này
4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng ký kết với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.	4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.	Dẫn chiếu đến nội dung đã quy định trong Quy chế này
5. Tổng Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.	5. Tổng Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 10% (mười phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Quy chế này.	Dẫn chiếu đến nội dung đã quy định trong Quy chế này
Điều 28. Tiêu chuẩn của Ban Điều hành	Điều 28. Tiêu chuẩn của Ban Điều hành	

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<p>1. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;</p>	<p>1. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật do Điều 18 Luật doanh nghiệp 2014 đã chuyển thành Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</p>	<p>CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</p>	
<p>CHƯƠNG IX: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</p>	<p>CHƯƠNG IX: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</p>	
<p>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác</p>	<p>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác</p>	
<p>3. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<u>hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</u>	giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác, trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác, đồng thời thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	Bỏ nội dung này	Bỏ theo Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Công ty được cấp các khoản vay và bảo lãnh cho các trường hợp này khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo thẩm quyền. Nội dung này đã được nhắc tới trong Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.
CHƯƠNG X: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	CHƯƠNG X: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Điều 39. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	Điều 39. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	
1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.	1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu Luật do Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014 đã chuyển thành Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020
Không có	CHƯƠNG XI. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI	Bổ sung thêm do chưa được quy định trong văn bản nội bộ nào của doanh nghiệp

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
	<p style="text-align: center;">THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.</p>	
	<p>Điều 45. Đánh giá hoạt động</p>	
	<p>1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.</p> <p>2. Trưởng ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.</p>	
	<p>Điều 46. Khen thưởng</p>	
	<p>1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành</p>	

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>3. Chế độ khen thưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng tiền; - Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có). <p>4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.</p>	
	<p>5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.</p>	
	<p>Điều 47. Xử lý vi phạm và kỷ luật</p>	
	<p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.</p>	
<p>CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p>CHƯƠNG XII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<p>Điều 46. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm <u>XI</u> chương, <u>46</u> Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội thống nhất thông qua ngày <u>25 tháng 04 năm 2019</u>, <u>sửa đổi bổ sung ngày 25 tháng 04 năm 2019</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p>	<p>Điều 49. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 12 chương, 49 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội thống nhất thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2021 cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p>	<p>Cập nhật số lượng chương, điều và ngày thông qua Quy chế</p>
<p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được uỷ quyền</p> <p>3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p>	<p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được uỷ quyền.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p>	
<p>PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p>PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	
<p><i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội)</i></p>	<p><i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội)</i></p>	<p>Cập nhật ngày sửa đổi</p>
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p>	
<p>1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục</p>	<p>1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục</p>	

<p style="text-align: center;">Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành</p>	<p style="text-align: center;">Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi</p>	<p style="text-align: center;">Lý do sửa</p>
<p>triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông; - Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông; - Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông; - Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; - Cách thức bỏ phiếu; Cách thức kiểm phiếu; Thông báo kết quả kiểm phiếu; - Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; - Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; - Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp); - Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Nội dung quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm: quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản); 	<p>triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông; - Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông; - Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông; - Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; - Cách thức bỏ phiếu; Cách thức kiểm phiếu; Thông báo kết quả kiểm phiếu; - Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; - Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; - Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Nội dung quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm: quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản); 	
<p>Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</u></p> <p>Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; - Cung cấp thông tin và giải đáp khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; - Lập chương trình và nội dung cuộc họp; - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; - Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ 	<p>3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; - Cung cấp thông tin và giải đáp khiếu nại 	<p>Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung thêm trong trường hợp công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</p>

<p align="center">Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành</p>	<p align="center">Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi</p>	<p align="center">Lý do sửa</p>
<p>đồng theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thời gian và địa điểm họp; - Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này; - Các công việc khác phục vụ cuộc họp. 	<p>liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập chương trình và nội dung cuộc họp; - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; - Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; - Xác định thời gian và địa điểm họp; - Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; - Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử; - Các công việc khác phục vụ cuộc họp. 	
<p>Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp Đại</p>	<p>1. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội</p>	<p>Sửa số thứ tự để thống nhất toàn văn bản</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
hội đồng cổ đông và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	đồng cổ đông và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	
<p>b. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>10 (mười) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Phiếu biểu quyết; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề 	<p>2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Phiếu biểu quyết; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp (nếu có); Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp không còn quy định là tài liệu bắt buộc do văn bản ủy quyền đã không còn bắt buộc phải theo mẫu của công ty.</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<p>trong chương trình họp.</p> <p>Công ty gửi Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông đến các cổ đông của công ty theo thông tin cá nhân và địa chỉ được ghi trong Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp. Công ty không chịu trách nhiệm về việc gửi Thông báo đối với những trường hợp cổ đông không cung cấp địa chỉ chính xác và Công ty có xác nhận bằng văn bản của đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển thư về việc Thông báo triệu tập họp sẽ không gửi được đến địa chỉ mà cổ đông đã cung cấp.</p>	<p>trong chương trình họp.</p> <p>Công ty gửi Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông đến các cổ đông của công ty theo thông tin cá nhân và địa chỉ được ghi trong Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp. Công ty không chịu trách nhiệm về việc gửi Thông báo đối với những trường hợp cổ đông không cung cấp địa chỉ chính xác và Công ty có xác nhận bằng văn bản của đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển thư về việc Thông báo triệu tập họp sẽ không gửi được đến địa chỉ mà cổ đông đã cung cấp.</p>	
<p>Không có</p>	<p>3. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung để đảm bảo thống nhất nội dung theo quy định tại Điều lệ công ty</p>
<p>Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1. Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho một đại diện khác tham 	<p>Chi tiết cách thức tham dự Đại hội đồng cổ đông theo khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được uỷ quyền cho mỗi đại diện).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật. - Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 	
<p>5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ</p>	<p>5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu</p>	<p>Sửa theo Điều 20 Điều lệ sửa đổi</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<p>đồng, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.</p>	<p>có), trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.</p> <p>Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.</p>	
<p>Không có</p>	<p>6. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung để đầy đủ các hình thức tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/giơ tay hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p>	<p>1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/giơ tay hoặc bỏ phiếu (bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu và bỏ phiếu điện tử - nếu có). Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội</p>	<p>Bổ sung thêm hình thức bỏ phiếu điện tử</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<p>2. Cách thức kiểm phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả; - Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê. - Công bố kết quả kiểm phiếu: <u>Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông.</u> 	<p>đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p> <p>2. Cách thức kiểm phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả; - Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê. - Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố khi có kết quả kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp. Ban kiểm phiếu lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo. 	<p>Sửa theo Điều 20 Điều lệ sửa đổi và bổ sung để phù hợp với thực tế triển khai</p>
<p>Điều 8. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 8. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Không có</p>	<p>5. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này vẫn có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối</p>	<p>Bổ sung theo Điều 23 Điều lệ sửa đổi</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
	ký biên bản họp.	
Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
<p>1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>Bỏ quy định về thời gian nắm giữ cổ phần liên tục theo khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp</p>
Điều 11. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại	Điều 11. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại	

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
hội đồng cổ đông	hội đồng cổ đông	
<p>2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Chuẩn bị tài liệu:</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích lấy ý kiến; - Họ, tên, địa chỉ <u>thường trú</u>, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng 	<p>2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Chuẩn bị tài liệu:</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích lấy ý kiến; - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần 	<p>Sửa theo quy định tại Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>

<p style="text-align: center;">Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành</p>	<p style="text-align: center;">Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi</p>	<p style="text-align: center;">Lý do sửa</p>
<p>cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; - <u>Ho, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u> 	<p>của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 	
<p>f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p style="text-align: center;">PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI</p>	<p style="text-align: center;">PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI</p>	

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
ĐỒNG QUẢN TRỊ	ĐỒNG QUẢN TRỊ	
<i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội)</i>	<i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội)</i>	
Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	
<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu <u>07 (bảy)</u> ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty, trong trường hợp ứng 	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty, trong trường hợp ứng 	<p>Sửa theo Điều 25 Điều lệ mẫu – Phụ lục 01 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<p>viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ tên của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	<p>viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ tên của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	
<p><u>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Việc đề cử ứng viên</u></p>	<p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 10% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng viên; - Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; - Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; - Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; - Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 26 Điều lệ sửa đổi</p>

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
<u>Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi góp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u>	sáu (06) ứng viên; – Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; – Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	
PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Các nội dung tại Phụ lục 3 được giữ nguyên. Trường hợp có nội dung thay đổi theo Điều lệ sửa đổi (nếu có), các nội dung này sẽ được tự động cập nhật và tuân theo Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua
<i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội)</i>	<i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội)</i>	
PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	Các nội dung tại Phụ lục 4 được giữ nguyên. Trường hợp có nội dung thay đổi theo Điều lệ sửa đổi (nếu có), các nội dung này sẽ được tự động cập nhật và tuân theo Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua
<i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội)</i>	<i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội)</i>	
PHỤ LỤC 5: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	PHỤ LỤC 5: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	Các nội dung tại Phụ lục 5 được giữ nguyên. Trường hợp có nội dung thay đổi theo Điều lệ sửa đổi (nếu có), các nội dung này sẽ được tự động cập nhật và tuân theo Điều lệ công ty



Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Lý do sửa
		được Đại hội đồng cổ đông thông qua
<i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội)</i>	<i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội)</i>	